

Số: 492/QĐ-ĐHSPTDTHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v: nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung
đối với viên chức và người lao động Đợt 1 - năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSPTDTHN

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012 và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BNV, ngày 31/7/2013 của BNV về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Kế hoạch số 313/KH-ĐHSPTDTHN ngày 26/7/2018 của Trường ĐHSPTDTHN Hà Nội về việc nâng bậc lương thường xuyên và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung cho viên chức và người lao động đợt 1 - năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét nâng bậc lương đợt 1 - năm 2018 ngày 16/8/2018 của Trường ĐHSPTDTHN Hà Nội;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 1 - năm 2018 cho 45 viên chức và người lao động thuộc các đơn vị của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TCCB.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Quyết

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẾN THỜI HẠN NÂNG BẬC LƯƠNG
THƯỜNG XUYÊN, HƯỞNG PHỤ CẤP TNVK ĐỢT 1 - NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 492/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 24/8/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội)

Tổng số VC và NLD được nâng bậc lương thường xuyên, PCTNVK đợt 1 năm 2018: 45 người. Trong đó:

- Số người được nâng bậc lương thường xuyên: 41 người

- Số người được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: 04 người

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương, phụ cấp TNVK đợt 1 - năm 2018						
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % PC TN VK	Thời gian tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới sau nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % PC TN VK	Chênh lệch hệ số lương, PC TN VK	Thời gian tính hưởng bậc, PC TNVK từ sau	
A	VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN															
I	DIỆN 3 NĂM - VIÊN CHỨC															
1	Nguyễn Thị Lê		1983	ĐH	01.003	2	2.67		01/2015	01.003	3	3.00		0.33	01/2018	
2	Trần Ngọc Trang		1990	Th.s	01.003	1	2.34		01/2015	01.003	2	2.67		0.33	01/2018	
3	Đỗ Công Huân	1981		CĐ	13.095	5	3.66		01/2015	13.095	6	3.99		0.33	01/2018	
4	Nguyễn Tân Cảnh		1981	Th.s	V.07.01.03	4	3.33		6/2015	V.07.01.03	5	3.66		0.33	6/2018	
5	Nguyễn Thị Hằng		1976	Th.s	V.07.01.03	3	3.00		4/2015	V.07.01.03	4	3.33		0.33	4/2018	
6	Phạm Văn Quý	1981		Th.s	V.07.01.03	3	3.00		4/2015	V.07.01.03	4	3.33		0.33	4/2018	
7	Lại Triệu Minh	1985		Th.s	V.07.01.03	3	3.00		4/2015	V.07.01.03	4	3.33		0.33	4/2018	
8	Nguyễn Thành Hưng	1982		Th.s	V.07.01.03	3	3.00		4/2015	V.07.01.03	4	3.33		0.33	4/2018	
9	Nguyễn Thị Liên		1982	Th.s	V.07.01.03	2	2.67		01/2015	V.07.01.03	3	3.00		0.33	01/2018	

1

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc								Kết quả nâng bậc lương, phụ cấp TNVK đợt 1 - năm 2018					
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % PC TN VK	Thời gian tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới sau nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % PC TN VK	Chênh lệch hệ số lương, PC TN VK	Thời gian tính nâng bậc, PC TNVK lần sau			
10	Nguyễn Hoàng Yến		1984	Th.s	V.07.01.03	2	2.67			01/2015	V.07.01.03	3	3.00		0.33	01/2018		
11	Phạm Minh	1987		TS	V.07.01.03	2	2.67			01/2015	V.07.01.03	3	3.00		0.33	01/2018		
12	Ngô Thị Thu		1987	Th.s	V.07.01.03	2	2.67			01/2015	V.07.01.03	3	3.00		0.33	01/2018		
13	Lê Mạnh Cường	1983		Th.s	V.07.01.03	2	2.67			01/2015	V.07.01.03	3	3.00		0.33	01/2018		
14	Nguyễn Tùng Lâm	1989		ĐH	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
15	Nguyễn Văn Hạnh	1990		ĐH	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
16	Lê Thị Thu Hương		1987	Th.s	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
17	Trần Đình Phòng	1985		Th.s	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
18	Nguyễn Kim Mạnh	1984		ĐH	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
19	Trần Đình Tường	1988		Th.s	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
20	Lê Thị Thanh Hường		1987	Th.s	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
II ĐIỆN 3 NĂM - NGƯỜI LAO ĐỘNG																		
21	Tạ Thị Phương		1988	ĐH	01.003	1	2.34			5/2015	01.003	2	2.67		0.33	5/2018		
22	Vũ Văn Sơn	1985		ĐH	13.095	1	2.34			4/2015	13.095	2	2.67		0.33	4/2018		
23	Nguyễn Thu Trang		1990	ĐH	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
24	Lê Ngọc Vinh	1989		Th.s	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
25	Chu Thanh Hải	1989		Th.s	V.07.01.03	1	2.34			5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018		
26	Lê Ngọc Khánh	1988		TS	V.07.01.03	1	2.34			3/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	3/2018		

8/12

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương, phụ cấp TNNVK đợt 1 - năm 2018						
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % PC TN VK	Thời gian tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới sau nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % PC TN VK	Chênh lệch hệ số lương, PC TN VK	Thời gian tính nâng bậc, PC TNNVK lần sau	
27	Nguyễn Mạnh Đạt	1983		Th.s	V.07.01.03	1	2.34		5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018	
28	Đỗ Thị Tố Uyên		1988	DH	V.07.01.03	1	2.34		6/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	6/2018	
29	Đặng Hải Linh	1987		Th.s	V.07.01.03	1	2.34		6/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	6/2018	
30	Nguyễn Thị Thúc		1987	Th.s	V.07.01.03	1	2.34		5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018	
31	Trần Thị Diệu Linh		1990	Th.s	V.07.01.03	1	2.34		5/2015	V.07.01.03	2	2.67		0.33	5/2018	
II ĐIỆN 2 NĂM - VIÊN CHỨC																
32	Kiều Thị Mùi		1979	Tr.c	V.08.03.07	5	2.66		01/2016	V.08.03.07	6	2.86		0.20	01/2018	
33	Dương Nguyễn Phúc	1982		Tr.c	V.08.03.07	3	2.26		01/2016	V.08.03.07	4	2.46		0.20	01/2018	
V ĐIỆN 2 NĂM - NGƯỜI LAO ĐỘNG																
34	Trần Anh Dũng	1974		DH	01.004	9	3.46		5/2016	01.004	10	3.66		0.20	5/2018	
35	Trần Ngọc Bảo	1982		Tr.c	01.005	5	2.37		01/2016	01.005	6	2.55		0.18	01/2018	
36	Nguyễn Việt Dũng	1981		Tr.c	01.005	5	2.37		01/2016	01.005	6	2.55		0.18	01/2018	
37	Lê Đình Kết	1972		BV	01.005	5	2.22		01/2016	01.005	6	2.40		0.18	01/2018	
38	Lê Xuân Thành	1969		BV	01.005	4	2.04		01/2016	01.005	5	2.22		0.18	01/2018	
39	Nguyễn Xuân Thu	1974		Khác	01.005	9	3.09		5/2016	01.005	10	3.27		0.18	5/2018	
40	Nguyễn Thị Huệ		1988	DH	01.004	1	1.86		5/2016	01.004	2	2.06		0.20	5/2018	
	Hoàng Hữu Việt	1991		Tr.c	13.096	1	1.86		02/2016	01.004	2	2.06		0.20	02/2018	

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên môn được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương, phụ cấp TNVK đợt 1 - năm 2018					
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % PC TN VK	Thời gian tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới sau nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % PC TN VK	Chênh lệch hệ số lương, PC TN VK	Thời gian tính nâng bậc, PC TNVK lần sau
B	DIỆN ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG														
I	DIỆN 3 NĂM														
42	Vũ Ngọc Tuấn	1961		ĐH	06.031	9	4.98	9%	3/2017	06.031	9	4.98	10%	1%	3/2018
II	DIỆN 2 NĂM														
43	Phan Hồng Thái	1969		BV	01.005	12	3.48	10%	4/2017	01.005	12	3.48	11%	1%	4/2018
44	Kiều Văn Thắng	196		NVKT	01.005	12	3.63		5/2016	01.005	12	3.63	5%	0.18	5/2018
45	Võ Thị Thủy		1963	NVPV	01.005	12	2.98		01/2016	01.005	12	2.98	5%	0.149	01/2018

Ấn định danh sách có: 45 người



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Quyết